

Số: /QĐ-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình khuyến nông tỉnh Thanh Hóa năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của
Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Quyết định số 4047/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2022 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Chương trình khuyến nông
tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2023 - 2025;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 6650/TTr-STC ngày 02
tháng 11 năm 2023 (kèm theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông
thôn tại Công văn số 5209/SNN&PTNT-KHTC ngày 06 tháng 10 năm 2023).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình khuyến nông tỉnh
Thanh Hóa năm 2024 (chi tiết tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm
toàn diện trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính
chính xác, tính pháp lý, thẩm quyền phê duyệt của nội dung tham mưu, thẩm
định, số liệu báo cáo và việc đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo đúng quy
định của pháp luật.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về nghiệp vụ
đề các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch chi tiết và triển khai thực hiện
Chương trình khuyến nông tỉnh Thanh Hóa năm 2024, đảm bảo theo đúng quy
định hiện hành của pháp luật; đồng thời, theo chức năng nhiệm vụ được giao, có
trách nhiệm chủ động theo dõi, hướng dẫn và giải quyết các công việc liên quan
đến việc tổ chức thực hiện của các đơn vị theo quy định.

3. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan, thẩm định và tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện Chương trình khuyến nông tỉnh Thanh Hóa năm 2024 vào dự toán ngân sách địa phương năm 2024, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định. Sau khi dự toán ngân sách địa phương được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt dự toán chi tiết theo quy định.

4. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giao Hội Nông dân tỉnh, Đài phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa, Trung tâm Khuyến nông tỉnh, Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng và Chuyển giao Khoa học công nghệ (Trường Đại học Hồng Đức), Hội Làm vườn và Trang trại tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Chương trình khuyến nông tỉnh Thanh Hóa năm 2024 theo đúng nội dung, mục tiêu đề ra và đảm bảo tiết kiệm, thiết thực, hiệu quả.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh, Giám đốc Đài phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông tỉnh, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng và Chuyển giao Khoa học công nghệ (Trường Đại học Hồng Đức), Chủ tịch Hội Làm vườn và Trang trại tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN, KTTC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

Phụ lục:

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG TỈNH THANH HÓA NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Triển khai thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2023 - 2025 nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong sản xuất nông nghiệp, tiến tới sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn thông qua việc áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật, tiến bộ mới, công nghệ mới, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn thực phẩm gắn với bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Thông tin tuyên truyền

- Xây dựng và phát sóng 129 chuyên mục khuyến nông trên Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa, trong đó: 76 chuyên mục truyền hình, 53 chuyên mục truyền thanh (72 chuyên mục truyền hình được dịch ra tiếng Mông và tiếng Thái); 15 bản tin trên chương trình thời sự của Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa.

- Xuất bản 3.000 cuốn nông lịch; 4 số tập san thông tin Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; 5.645 tờ poster về hướng dẫn khoa học kỹ thuật.

- Xây dựng 02 bộ phim khoa học kỹ thuật.

- Tổ chức 19 cuộc hội thảo đầu bờ nhân rộng mô hình; 3 cuộc diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp.

2.2. Bồi dưỡng, đào tạo và tập huấn

Tổ chức 18 lớp bồi dưỡng tập huấn và đào tạo cho khuyến nông viên cơ sở, cộng tác viên khuyến nông và nông dân; 10 lớp tập huấn FFS cho cộng tác viên khuyến nông và nông dân tại các địa phương trong tỉnh.

2.3. Xây dựng và nhân rộng mô hình

Xây dựng và nhân rộng 23 loại mô hình trình diễn khuyến nông về lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp và thủy sản.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Thông tin tuyên truyền

1.1. Nội dung

1.1.1. Tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng

- Hàng tháng thực hiện các chuyên mục Khuyến nông trên Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa (mỗi tháng từ 6 - 7 chuyên mục truyền hình, 4 - 5 chuyên mục phát thanh, phần lớn các chuyên mục truyền hình được dịch ra tiếng Mông và tiếng Thái) để tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu các mô hình hiệu quả, các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP của tỉnh; chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới về lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp và thủy sản.

- Nâng cao chất lượng thông tin, bài viết về hoạt động khuyến nông trên trang Website Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo Thanh Hóa; các chuyên mục khuyến nông phát sóng trên Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa để đăng phát trên kênh Youtube, fanpage của Đài.

- Trung tâm Khuyến nông tỉnh phối hợp với các cơ quan báo, đài để quảng bá hoạt động khuyến nông; khai thác tối đa các trang mạng xã hội để thông tin, tuyên truyền các chính sách, tiến bộ khoa học kỹ thuật và sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng, các sản phẩm OCOP của tỉnh.

1.1.2. Tuyên truyền trên các ấn phẩm

- Duy trì, đổi mới nội dung, hình thức xuất bản, tuyên truyền trên ấn phẩm tập san thông tin Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; nông lịch.

- Xây dựng các bộ phim kỹ thuật về các đối tượng cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh, các tiến bộ mới, công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp.

- Phát hành các tài liệu kỹ thuật để tuyên truyền, hướng dẫn về tiến bộ mới, công nghệ mới, kỹ thuật sản xuất đảm bảo an toàn lương thực, thực phẩm theo hướng nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ...

1.1.3. Tổ chức, tham gia các sự kiện truyền thông

Tổ chức tốt các hội thảo, diễn đàn khuyến nông nhằm nhân nhanh các mô hình điển hình trong sản xuất kinh doanh nông nghiệp cho người sản xuất.

1.2. Đơn vị thực hiện

- Trung tâm Khuyến nông tỉnh chủ trì phối hợp Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức liên quan thực hiện.

- Đối với các chuyên mục khuyến nông trên Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa: Về sản xuất giao cho Trung tâm Khuyến nông tỉnh chủ trì; về phát sóng các chuyên mục và đưa chuyên mục trên mạng Internet (youtube, fanpage) giao cho Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa thực hiện.

2. Bồi dưỡng, đào tạo và tập huấn

2.1. Nội dung

- Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, phương pháp, nghiệp vụ, công nghệ thông tin; bổ sung, cập nhật các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới áp dụng trong sản xuất trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản... cho khuyến nông viên cơ sở, cộng tác viên khuyến nông và nông dân.

- Đào tạo huấn luyện kỹ thuật theo phương pháp FFS trên cây lúa, ớt, ngô, khoai tây (cây lúa: 4 lớp; cây ớt: 2 lớp; cây ngô: 2 lớp; khoai tây: 2 lớp) cho nông dân tại các địa phương trong tỉnh theo chu kỳ sinh trưởng và phát triển của cây trồng giúp cho học viên nắm chắc về lý thuyết và vận dụng thành thạo vào sản xuất.

2.2. Đơn vị thực hiện

Trung tâm Khuyến nông tỉnh chủ trì phối hợp Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức có liên quan thực hiện.

3. Xây dựng và nhân rộng mô hình

3.1. Nội dung

3.1.1. Lĩnh vực trồng trọt

(1) Mô hình thâm canh lúa chất lượng theo chuỗi giá trị: Thực hiện với quy mô 64 ha với mục tiêu đưa nhanh các tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất tại các vùng quy hoạch sản xuất lúa chất lượng tập trung, quy mô lớn theo hướng hàng hóa, nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế gắn với chế biến, tiêu thụ, xây dựng thương hiệu sản phẩm, đảm bảo an ninh lương thực.

(2) Mô hình ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất lúa gắn với tiêu thụ sản phẩm: Thực hiện với quy mô 48 ha với mục tiêu ứng dụng công nghệ cao, cơ giới hóa vào sản xuất lúa chất lượng nhằm thay đổi tập quán canh tác truyền thống sang canh tác hiện đại trên quy mô lớn, nhằm giảm công lao động, chi phí vật tư đầu vào, tăng hiệu quả kinh tế/đơn vị diện tích canh tác.

(3) Mô hình thâm canh ngô sinh khối làm nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi đại gia súc: Thực hiện với quy mô 19 ha nhằm ứng dụng tiến bộ mới trong thâm canh ngô sinh khối giúp người dân chủ động hoàn toàn thức ăn thô xanh cho đại gia súc, đặc biệt là vào mùa đông. Rút ngắn thời vụ, tăng hệ số quay vòng sản xuất, giảm chi phí lao động, tăng hiệu quả kinh tế/đơn vị diện tích canh tác.

(4) Mô hình liên kết các hộ trong thâm canh ngô đường (ngô ngọt) theo chuỗi giá trị: Thực hiện với quy mô 9 ha nhằm ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong thâm canh cây ngô ngọt tại các địa phương trong tỉnh có điều kiện sản xuất phù hợp với thị trường tiêu thụ nội địa và xuất khẩu, tạo ra sản phẩm an toàn phục vụ ăn tươi và chế biến công nghiệp.

(5) Xây dựng mô hình sản xuất rau quả theo hướng hữu cơ: Thực hiện với quy mô 13 ha nhằm sản xuất rau, quả an toàn tập trung chuyên canh, áp dụng quy trình sản xuất theo hướng hữu cơ, nâng cao năng suất, sản lượng, tăng hiệu quả kinh tế, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

(6) Mô hình ứng dụng đồng bộ tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất lạc gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm: Thực hiện với quy mô 9 ha nhằm tạo ra sự đột phá về năng suất sản lượng và hiệu quả kinh tế tại các huyện đồng bằng và đồng bằng ven biển trong tỉnh so với điều kiện canh tác cũ của các địa phương.

3.1.2. Lĩnh vực chăn nuôi

(1) Mô hình chăn nuôi gà thịt theo hướng hữu cơ: Thực hiện với quy mô 2.800 con nhằm khuyến khích phát triển chăn nuôi theo hướng tự nhiên, tạo sản phẩm hàng hoá chất lượng mang tính cạnh tranh, tận dụng tối đa lợi thế vùng miền, sản xuất tuần hoàn, khép kín, giảm chất thải để bảo vệ môi trường, tạo ra sản phẩm an toàn, chất lượng cao, đầu ra ổn định và đáp ứng nhu cầu thực phẩm sạch cho người tiêu dùng.

(2) Mô hình chăn nuôi ngan Pháp thương phẩm đảm bảo an toàn sinh học và an toàn thực phẩm: Thực hiện với quy mô 4.500 con nhằm chuyển giao các tiến bộ mới, công nghệ mới cho người dân, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả; đồng thời giúp người chăn nuôi kiểm soát tốt dịch bệnh, đảm bảo an toàn cho đàn ngan cũng như đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

(3) Mô hình chăn nuôi vịt thịt đảm bảo an toàn sinh học và an toàn thực phẩm: Thực hiện với quy mô 4.800 con nhằm chuyển giao các tiến bộ mới, công nghệ mới cho người dân, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả; đồng thời giúp người chăn nuôi kiểm soát tốt dịch bệnh, đảm bảo an toàn cho đàn vịt cũng như đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

(4) Mô hình liên kết các hộ trong chăn nuôi vịt sinh sản theo hướng VietGAHP: Thực hiện với quy mô 1.500 con nhằm khuyến khích người dân ứng dụng các tiến bộ mới, công nghệ mới để phát triển chăn nuôi vịt sinh sản an toàn nhằm ngăn ngừa và hạn chế các rủi ro từ các mối nguy cơ gây ô nhiễm ảnh hưởng đến sự an toàn, chất lượng trứng, môi trường, sức khoẻ, an toàn lao động và phúc lợi xã hội cho người lao động.

(5) Mô hình liên kết các hộ trong chăn nuôi gà sinh sản theo hướng VietGAHP: Thực hiện với quy mô 1.500 con nhằm khuyến khích người dân ứng dụng các tiến bộ mới, công nghệ mới để phát triển chăn nuôi gà sinh sản an toàn nhằm ngăn ngừa và hạn chế các rủi ro từ các mối nguy cơ gây ô nhiễm ảnh hưởng đến sự an toàn, chất lượng trứng, môi trường, sức khỏe, an toàn lao động và phúc lợi xã hội cho người lao động.

(6) Mô hình nuôi ong lấy mật theo hướng hữu cơ gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm: Thực hiện với quy mô 80 đàn nhằm đa dạng đối tượng vật nuôi và sản phẩm chăn nuôi, khai thác các tiềm năng sẵn có từ tự nhiên tại các vùng sinh thái phù hợp, phát huy lợi thế vùng miền hướng đến sản xuất hàng hóa đặc trưng, chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu của thị trường

3.1.3. Lĩnh vực lâm nghiệp

(1) Mô hình trồng rừng thâm canh gỗ lớn theo hướng công nghệ cao gắn với tiêu thụ sản phẩm (keo lai mô): Thực hiện với quy mô 91 ha nhằm chuyển giao tiến bộ mới, công nghệ mới về giống cây trồng lâm nghiệp mới có khả năng tăng trưởng nhanh, tạo sinh khối lớn bằng công nghệ nuôi cấy mô; áp dụng biện pháp kỹ thuật trong trồng thâm canh rừng gỗ lớn nhằm tạo ra sản phẩm có giá trị cao, đáp ứng nhu cầu thị trường và xuất khẩu, góp phần bảo vệ môi trường, sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu.

(2) Mô hình trồng rừng thâm canh gỗ ăn hạt bằng cây ghép theo chuỗi liên kết: Thực hiện với quy mô 4 ha nhằm chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật về giống, biện pháp kỹ thuật trong trồng rừng thâm canh gỗ ăn hạt bằng cây ghép nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả rừng trồng; đồng thời liên kết sản xuất hình thành chuỗi giá trị nhằm nâng cao hiệu quả sản phẩm, đáp ứng yêu cầu thị trường.

(3) Mô hình trồng rừng thâm canh cây Tách: Thực hiện quy mô 13 ha nhằm ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống, biện pháp kỹ thuật trong trồng rừng thâm canh một số loài cây bản địa nhằm đáp ứng nhu cầu gỗ cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

(4) Mô hình trồng thâm canh cây dược liệu dưới tán rừng gắn với thị trường tiêu thụ: Thực hiện với quy mô 7 ha nhằm chuyển giao tiến bộ kỹ thuật để phát triển cây dược liệu theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, là vùng nguyên liệu chế biến các sản phẩm OCOP, hình thành chuỗi ngành hàng có giá trị cao, góp phần tạo sinh kế, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm, đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu hiện nay.

(5) Mô hình liên kết các hộ trồng thâm canh cây nghệ vàng gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm: Thực hiện với quy mô 0,7 ha nhằm ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm, phát triển cây nghệ vàng theo hướng sản xuất hàng hoá, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, là vùng nguyên liệu chế biến các sản phẩm OCOP, hình thành chuỗi ngành hàng có giá trị cao, góp phần tạo sinh kế, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm, đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu hiện nay.

3.1.4. Lĩnh vực thủy sản

(1) Mô hình liên kết các hộ nuôi tôm thâm canh theo hướng VietGAP: Thực hiện với quy mô 0,8 ha nhằm ứng dụng các công nghệ mới trong nuôi tôm thâm canh: Công nghệ sinh học, nuôi tôm 2 giai đoạn.

(2) Mô hình liên kết các hộ nuôi thâm canh cá lồng bè trên sông, hồ, vùng ven biển và hải đảo: Thực hiện với quy mô 750 m³ nhằm đa dạng hóa đối tượng nuôi cho giá trị kinh tế cao tạo sinh kế cho người dân vùng lòng hồ thủy điện, vùng miền núi.

(3) Mô hình nuôi cá nước ngọt đảm bảo an toàn thực phẩm vùng miền núi: Thực hiện với quy mô 1,05 ha nhằm phát triển nghề nuôi cá nước ngọt vùng miền núi, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong nuôi các loài thủy sản chủ lực, lợi thế vùng miền núi, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và nhu cầu thị trường tiêu thụ, cải thiện và nâng cao mức sống, thu nhập cho nông dân miền núi, góp phần giảm nghèo, hướng tới phát triển sản xuất hàng hóa.

(4) Mô hình nuôi thâm canh các đối tượng thủy đặc sản đảm bảo an toàn thực phẩm gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm: Thực hiện với quy mô 420 m² nhằm ứng dụng tiến bộ mới, công nghệ mới trong nuôi thâm canh các đối tượng thủy đặc sản, nâng cao giá trị, thu nhập trên một đơn vị diện tích, liên kết sản xuất hàng hóa, xây dựng thương hiệu gắn với thị trường tiêu thụ, đáp ứng nhu cầu thị trường.

(5) Xây dựng mô hình nuôi luân canh tôm càng xanh - lúa theo hướng hữu cơ: Thực hiện với quy mô 2,7 ha nhằm nâng cao giá trị và thu nhập trên một đơn vị diện tích, đa dạng hóa các sản phẩm, chuyển đổi diện tích lúa vùng chiêm trũng, vùng ven biển nhiễm mặn, năng suất thấp, kém hiệu quả sang nuôi luân canh các đối tượng thủy sản có giá trị kinh tế cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, từng bước hình thành vùng nguyên liệu hữu cơ và xây dựng thương hiệu.

(6) Mô hình ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong khai thác, chế biến và bảo quản sản phẩm thủy sản: Thực hiện với quy mô 01 tàu nhằm ứng dụng, chuyển giao công nghệ khai thác, chế biến và bảo quản sản phẩm thủy sản để hỗ trợ phát triển một số nghề khai thác có hiệu quả, góp phần phát triển các nghề

khai thác có tính bền vững, bảo vệ môi trường, nguồn lợi và giảm áp lực khai thác ven bờ, nâng cao thu nhập đồng thời giúp ngư dân bám biển bảo vệ chủ quyền an ninh quốc gia.

3.2. Đơn vị thực hiện

- Trung tâm Khuyến nông tỉnh, Hội Làm vườn và Trang trại tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng và Chuyển giao Khoa học công nghệ - Trường Đại học Hồng Đức chủ trì thực hiện theo từng nội dung.

- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, cá nhân liên quan phối hợp với Trung tâm Khuyến nông tỉnh và các đơn vị liên quan thực hiện theo từng mô hình.

III. KINH PHÍ DỰ KIẾN

1. Kinh phí thực hiện dự kiến

Tổng kinh phí: Khoảng 13.543 triệu đồng (mười ba tỷ, năm trăm bốn mươi ba triệu đồng), trong đó:

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ: Khoảng 9.479 triệu đồng (chín tỷ, bốn trăm bảy mươi chín triệu đồng).

- Đối ứng của người dân tham gia mô hình: Khoảng 4.064 triệu đồng (bốn tỷ, không trăm sáu mươi tư triệu đồng).

2. Nguồn vốn thực hiện dự kiến

- Từ nguồn sự nghiệp kinh tế hỗ trợ các hoạt động khuyến nông trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2024.

- Vốn đối ứng của người dân tham gia mô hình./.